

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của bàn đổi ngoại tệ

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;
Căn cứ Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế hoạt động của bàn đổi ngoại tệ".
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 103/QĐ-NH7 ngày 03/4/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành "Quy chế hoạt động của bàn thu đổi ngoại tệ", Chỉ thị số 01/1998/CT-NHNN7 ngày 09/01/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấn chỉnh hoạt động của bàn đổi ngoại tệ và các quy định về bàn đổi ngoại tệ tại Thông tư 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối.
- Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng được phép chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BÀN ĐỔI NGOẠI TỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 258/2000/QĐ-NHNN7 ngày 14 tháng 8 năm 2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh hoạt động của các bàn đổi ngoại tệ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hoạt động đổi đồng tiền của các nước có chung biên giới tại khu vực biên giới thực hiện theo quy định riêng về quản lý ngoại hối ở khu vực biên giới.

Điều 2. Giải thích từ ngữ: Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ngoại tệ tiền mặt là đồng tiền của một quốc gia khác hoặc đồng tiền chung của nhiều quốc gia dưới dạng tiền giấy, tiền kim loại, séc du lịch và các công cụ thanh toán tương tự khác bằng ngoại tệ theo pháp luật quy định đang được lưu hành hợp pháp mà Ngân hàng Nhà nước không cấm sử dụng trong giao dịch và được tổ chức tín dụng chấp nhận trong hoạt động đổi ngoại tệ.

2. Đổi ngoại tệ là nghiệp vụ dùng đồng Việt Nam mua ngoại tệ tiền mặt và bán ngoại tệ tiền mặt lấy đồng Việt Nam với khách hàng là cá nhân.

3. Bàn đổi ngoại tệ là nơi được Ngân hàng Nhà nước cho phép làm dịch vụ đổi ngoại tệ, bao gồm:

a. Bàn đổi ngoại tệ của các Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối trực tiếp làm dịch vụ đổi ngoại tệ (sau đây gọi là Bàn trực tiếp);

b. Bàn đổi ngoại tệ của các tổ chức khác làm đại lý đổi ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối và được Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn cho phép làm đại lý đổi ngoại tệ (sau đây gọi là Bàn đại lý).

Điều 3 . Phạm vi hoạt động của bàn đổi ngoại tệ

1. Các bàn đổi ngoại tệ chỉ được mua ngoại tệ tiền mặt của khách hàng, không được bán ngoại tệ tiền mặt cho khách hàng (trừ các Bàn trực tiếp được quy định tại khoản 2 điều 3 của Quy chế này). Các bàn đại lý phải bán toàn bộ số ngoại tệ tiền mặt đổi được cho tổ chức tín dụng uỷ nhiệm.

2. Các Bàn trực tiếp đặt tại hội sở chính hoặc tại trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng được phép hoặc đặt tại các khu cách ly ở các cửa khẩu quốc tế (đường bộ, đường biển, đường không) được bán lại ngoại tệ tiền mặt cho khách hàng là cá nhân mang hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp (dưới đây gọi chung là cá nhân mang hộ chiếu nước ngoài) theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

CHƯƠNG II - NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Đăng ký bàn đổi ngoại tệ của tổ chức tín dụng

1. Các tổ chức tín dụng đặt Bàn đổi ngoại tệ ngoài nơi giao dịch tại Hội sở chính hoặc trụ sở chi nhánh phải đăng ký với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi đặt Bàn đổi ngoại tệ. Tổ chức tín dụng chỉ được phép khai trương hoạt động của các Bàn đổi ngoại tệ nêu trên sau khi có văn bản xác nhận việc đăng ký Bàn đổi ngoại tệ của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố. Hồ sơ đăng ký gồm:

a. Đơn xin đăng ký đặt bàn đổi ngoại tệ (Phụ lục 1);

b. Bản sao Quyết định của Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng hoặc người được uỷ quyền về việc thành lập bàn đổi ngoại tệ;

2. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố phải xác nhận bằng văn bản việc đăng ký Bàn đổi ngoại tệ của tổ chức tín dụng (Phụ lục 2). Trường hợp từ chối xác nhận, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố phải có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 5. Uỷ nhiệm làm đại lý đổi ngoại tệ:

1. Đối tượng được tổ chức tín dụng uỷ nhiệm làm đại lý đổi ngoại tệ:

a. Các tổ chức là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng, siêu thị, giao thông vận tải, vàng bạc, đá quý;

b. Văn phòng bán vé của các hãng hàng không, hàng hải, du lịch của nước ngoài;

c. Các tổ chức tín dụng chưa được phép hoạt động ngoại hối.

2. Các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối căn cứ vào nhu cầu mở rộng mạng lưới đối ngoại tệ, uy tín và khả năng đối ngoại tệ tiền mặt của các tổ chức thuộc đối tượng nêu trên để ký hợp đồng đại lý đối ngoại tệ.

Các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối khi ký kết các hợp đồng đại lý đối ngoại tệ phải kiểm tra cơ sở vật chất và hướng dẫn nghiệp vụ cho nhân viên của Bàn đại lý. Hợp đồng phải có những nội dung chính sau:

a. Địa điểm đặt Bàn đại lý;

b. Phạm vi hoạt động: Bàn đại lý chỉ thực hiện mua ngoại tệ tiền mặt của khách hàng và phải bán toàn bộ số ngoại tệ tiền mặt đổi được cho tổ chức tín dụng;

c. Tỷ giá: tỷ giá mua ngoại tệ tiền mặt của khách hàng và tỷ giá bán lại ngoại tệ tiền mặt cho tổ chức tín dụng;

d. Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;

đ. Mức tồn quỹ;

e. Thời hạn Bàn đại lý phải bán số ngoại tệ tiền mặt đổi được cho tổ chức tín dụng uỷ nhiệm theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 6. Điều kiện, thủ tục cấp giấy phép làm đại lý đối ngoại tệ

1. Điều kiện cấp giấy phép làm đại lý đối ngoại tệ

Các đối tượng nêu tại khoản 1, Điều 5 của Quy chế này có đủ các điều kiện sau đây thì được Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn cấp giấy phép làm đại lý đối ngoại tệ:

a. Có địa điểm để đặt bàn đại lý ở nơi trung tâm kinh tế, văn hoá, giao thông hoặc ở nơi có nhu cầu đổi ngoại tệ tiền mặt;

b. Có đủ trang thiết bị và điều kiện vật chất để đáp ứng được các hoạt động đối ngoại tệ tiền mặt;

c. Có nhân viên am hiểu nghiệp vụ để làm dịch vụ đối ngoại tệ như: nghiệp vụ kế toán, ngân quỹ, phân biệt tiền thật, giả;

d. Có hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng.

2. Thủ tục cấp giấy phép làm đại lý đối ngoại tệ

Các tổ chức có đủ các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này có nhu cầu làm đại lý đối ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối phải gửi hồ sơ xin cấp giấy phép làm đại lý đối ngoại tệ cho Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên cùng địa bàn. Hồ sơ gồm:

a. Đơn xin phép làm đại lý đối ngoại tệ (Phụ lục 3);

b. Bản sao có công chứng Quyết định thành lập (hoặc văn bản, giấy tờ xác nhận việc mở, đặt, thành lập các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c. Hợp đồng đại lý đổi ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố xem xét và duyệt cấp giấy phép làm đại lý đổi ngoại tệ (Phụ lục 4). Trường hợp từ chối cấp giấy phép cho tổ chức, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố phải có văn bản giải thích lý do.

Điều 7. Mua lại ngoại tệ khi xuất cảnh về nước

Khách hàng là cá nhân mang hộ chiếu nước ngoài trong thời gian ở Việt Nam có đổi ngoại tệ tại các Bàn đổi ngoại tệ lấy đồng Việt Nam nhưng chi tiêu không hết, khi xuất cảnh ra khỏi Việt Nam thì được mua lại ngoại tệ ở bàn đổi ngoại tệ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này. Các Bàn đổi ngoại tệ được bán ngoại tệ tiền mặt cho khách hàng theo các quy định sau đây:

1. Khách hàng có nhu cầu mua dưới 500 USD (năm trăm Đôla Mỹ) hoặc các ngoại tệ khác có giá trị tương đương phải xuất trình: hộ chiếu; vé máy bay (hoặc vé tàu).

2. Khách hàng có nhu cầu mua từ 500 USD (năm trăm Đôla Mỹ) trở lên hoặc các ngoại tệ khác có giá trị tương đương phải xuất trình hộ chiếu, vé máy bay (hoặc vé tàu) và hoá đơn đã đổi ngoại tệ lấy đồng Việt Nam.

Các bàn đổi ngoại tệ chỉ bán lại ngoại tệ cho khách hàng có tên ghi trên hoá đơn đổi ngoại tệ. Mức ngoại tệ khách hàng được mua lại tối đa không quá số ngoại tệ đã đổi ghi trên hoá đơn.

Hoá đơn đổi ngoại tệ phải rõ ràng, không tẩy xóa, ngày ghi trên hoá đơn phải nằm trong khoảng thời gian từ ngày nhập cảnh vào Việt Nam lần gần nhất ghi trên hộ chiếu đến ngày xin mua lại ngoại tệ. Khi bán lại ngoại tệ cho khách hàng, Bàn đổi ngoại tệ phải thu hồi hoá đơn đã đổi ngoại tệ trước đây.

Điều 8. Niêm yết loại ngoại tệ và tỷ giá

Bàn đổi ngoại tệ phải niêm yết công khai các loại ngoại tệ và tỷ giá áp dụng trong giao dịch tại bàn đổi ngoại tệ .

Điều 9. Tỷ giá áp dụng

1. Tỷ giá mua, bán ngoại tệ tại Bàn trực tiếp thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

2. Tỷ giá mua ngoại tệ của Bàn đại lý với khách hàng thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý giữa tổ chức tín dụng và Bàn đại lý, phù hợp với các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Điều 10. Chứng từ đổi ngoại tệ của bàn đổi ngoại tệ

Khi đổi ngoại tệ cho khách hàng, nhân viên bàn đổi ngoại tệ phải ghi đầy đủ những nội dung quy định trong hoá đơn và cập nhật số liệu vào sổ kế toán của Bàn đổi ngoại tệ theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và phải giao một liên hoá đơn cho khách hàng. Bàn đại lý cho tổ chức tín dụng nào thì sử dụng hoá đơn do tổ chức tín dụng đó cấp (mẫu hoá đơn tại Phụ lục 5).

Điều 11. Thời gian nộp hoặc bán ngoại tệ, mức tồn quỹ ngoại tệ

1. Đối với Bàn trực tiếp: thời gian nộp ngoại tệ tiền mặt, mức tồn quỹ ngoại tệ tiền mặt do Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định.

2. Đối với Bàn đại lý: Bàn đại lý phải bán toàn bộ số ngoại tệ đổi được cho tổ chức tín dụng đã uỷ nhiệm làm đại lý vào cuối mỗi ngày. Trong trường hợp bàn đại lý cách xa tổ chức tín dụng uỷ nhiệm thì tổ chức tín dụng thoả thuận với bàn đại lý thời hạn bán số ngoại tệ tiền mặt đổi được cho tổ chức tín dụng nhưng tối đa không quá 3 (ba) ngày làm việc. Nếu ngày bán số ngoại tệ đổi được trùng với ngày nghỉ cuối tuần, ngày nghỉ lễ, nghỉ tết của tổ chức tín dụng uỷ nhiệm thì bàn đại lý phải bán số ngoại tệ vào ngày làm việc tiếp theo.

Bàn đại lý đổi ngoại tệ được giữ lại một số lượng ngoại tệ tồn quỹ (ngoại tệ tiền lẻ) để trả lại cho khách hàng theo thoả thuận giữa tổ chức tín dụng với bàn đại lý nhưng tối đa không quá 1000 USD (một nghìn đô la Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ có giá trị tương đương.

Điều 12. Địa điểm bàn đổi ngoại tệ

1. Việc đặt địa điểm của Bàn đổi ngoại tệ phải thực hiện theo các quy định sau đây:

a. Bàn đại lý chỉ được đặt tại các địa điểm ghi trong giấy phép do Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố cấp.

b. Bàn trực tiếp chỉ được đặt tại hội sở chính, trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng và các địa điểm khác đã đăng ký với chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.

2. Các bàn đổi ngoại tệ phải có bảng hiệu ghi rõ tên của Bàn đổi ngoại tệ, tên tổ chức tín dụng hoặc tên tổ chức tín dụng uỷ nhiệm làm đại lý bằng tiếng Việt và tiếng Anh (authorized exchange bureau).

Điều 13. Xử lý khi phát hiện tiền giả

Khi phát hiện khách hàng sử dụng tiền giả để đổi ngoại tệ, Bàn đổi ngoại tệ phải lập biên bản, tạm giữ số tiền giả theo quy định hiện hành và thông báo ngay cho cơ quan công an gần nhất để tiến hành điều tra, xử lý.

CHƯƠNG III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Việc cấp giấy phép và đăng ký lại đối với những Bàn đổi ngoại tệ đã hoạt động

1. Đối với các Bàn trực tiếp đã hoạt động trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, tổ chức tín dụng phải thực hiện đăng ký với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn. Trong thời hạn đăng ký, Bàn trực tiếp vẫn được tiếp tục hoạt động. Khi hết thời hạn đăng ký, Bàn trực tiếp chỉ được tiếp tục hoạt động sau khi có giấy xác nhận đăng ký của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn. Thời hạn xác nhận đăng ký thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Trong vòng 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố rà soát lại các Bàn đại lý đổi ngoại tệ đã được phép hoạt động trên địa bàn. Bàn đại lý nào đủ điều kiện hoạt động quy định trong Quy chế này thì thu hồi giấy phép cũ đã cấp trước đây và cấp giấy phép mới. Bàn đại lý nào không đủ điều kiện quy định thì thu hồi giấy phép đã cấp, yêu